



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGO TÂN KINH
Last Middle First

Current Address 1/2, Thinh Binh, Phuong 22, Lac Long Quan, A. 11, HCM

Date of Birth 02-02-1934 Place of Birth HA DONG, N. VN

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Pham Thi Mai (1933, wife) Ngô Thi Long Nhung (1964, dau)
Ngô Tân Trung (1954, son) Ngô Tân Nữ Mông Hoàn (1966, dau)
Ngô Tuấn Dũng (1959, son) Ngô Tân Dũng Mạnh Cường (1970, son)
Ngô Thị Mai Châu (1972, dau) Ngô Diê Thằng (1975, son)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 06-15-1975 To 11-10-1984

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME	RELATIONSHIP	NAME	RELATIONSHIP
<u>Ngô Thị Bích Thu</u>			
<u>1216 - Beaches Drive</u>			
<u>San Jose, CA 95122</u>			

Form Completed By:

Name H. G. D. T. N. G. T. V. N.
F. V. N. P. P. A.
P. O. Box 5435
Address Arlington, VA 22205

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGÔ TÂN KINH
Last Middle First

Current Address 1/2 Phin Binh, Phường 20, LAC LONG QUAN, Q. 11, HCM.

Date of Birth 02-02-1934 Place of Birth HÀ ĐÔNG, N. VN

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Phạm Thị Thảo (1933, wife) Ngô Thị Long Nhung (1964, dau)
Ngô Tân Trung (1954, son) Ngô Tân Nữ Mộng Hoàn (1966, dau)
Ngô Tuấn Dũng (1959, son) Ngô Tân Dũng Mạnh Cường (1970, son)
Ngô Thị Mai Châu (1972, dau) Ngô Diễm Thánh (1975, son)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 06-15-1975 To 11-10-1984

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>Ngô Thị Bích Thu</u>			
<u>1216 Beacher Drive</u>			
<u>San Jose, CA 95122</u>			

Form Completed By:

H. G. D. T. N. G. T. V. N.
Name F. V. N. P. P. A.
P. O. Box 5435
Address Arlington, VA 22205

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
 (Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Học tập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Xuân Lộc
Số 1005 - GRT

0	0	1	6	7	0	7	1	6	2
SHSLD									

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 334/30 ngày 29 tháng 09 năm 1984
của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Ngô tôn Kính Sinh năm 19 34

Các tên gọi khác: _____

Nơi sinh Hà Đông

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 14 Nguyễn chí thanh Buôn mê thuật

Can tội Thiếu tá tiểu đoàn trưởng BQ

Bị bắt ngày 15 / 06 / 1975 Án phạt trời

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 14 Nguyễn chí thanh, Buôn mê thuật Đèo Lèo

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế 12 Tháng

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: _____

Trước ngày 10 tháng 11 năm 19 84

Lân tay ngón trỏ phải

Của Ngô tôn kính

Danh bản số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngô tôn kính

Ngày 26 tháng 11 năm 19 84

Giám thị

VU Hằng

Ngô tôn kính

VU Hằng

Số 11/29/85

19-11-1984

Kính thưa Bà,

car
acc 2
02.03.85

RECEIVED
JAN 29 1985

Hơn cả niềm vui của tôi
giờ đây gặp niềm vui
của nhân về một mặt. Kính
xin Bà giúp đỡ cho cũng sớm
cùng với, tôi xin gửi đến Bà
toàn bộ hồ sơ.

Kính chúc Bà và gia quyến
thức an. Chúc hàng phúc.
Xin đa tạ Bà! -

ll

TB: Hồ sơ hồ sơ và hình
ảnh của gia đình tôi xin gửi
tiếp đến Bà sau trong một
bút thư khác vì giờ cũng chung
vì bị này thì quá đầy
không thể. / -

ll

Vô danh
danh 208
2/25/85



BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC QUÂN-NHÂN

Số : 500802



Họ và Tên : NGO-TÔN-KÍNH

Cấp bậc : Đại-Ủy/ĐPQ

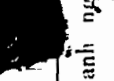
Số quân : 34A/001.693

Loại máu : B RH +

MÀU

00-849

10.66. TTALAP. O. 2585

	
Sinh ngày	02-02-1934
Tại	Liè-Dong
Con của Ông	Ngô-văn-Dang
và Bà	Nguyễn-Thị-Tỳ
KBC. 4125 ngày 1.2.69	
	
* Ai lười được Thẻ này xin chuyển đến KBC ngay.	

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Học tập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

Xuân Lộc

Số 1005 GRT

0	0	1	6	7	0	7	1	6	2
SHSLD									

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 334/30 ngày 29 tháng 09 năm 1984

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Ngô tôn kính Sinh năm 19 34

Các tên gọi khác:

Nơi sinh Hà đông

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 14 Nguyễn chí thanh Buôn mê thuật

Can tội Thiếu tá tiểu đoàn trưởng LPQ

Bị bắt ngày 15 / 06 / 1975 An phạt 1101

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 14 Nguyễn chí thanh, Buôn mê thuật Đèo Lèo

Nhận xét quá trình cải tạo

quản chế 12 tháng

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: _____

Trước ngày 10 tháng 11 năm 19 84

Lấn tay ngón trỏ phải

Của Ngô tôn kính

Danh bản số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Ngô tôn kính

Ngày 26 tháng 10 năm 19 84

Giám thị

VU HANG

Ngô tôn kính

trị uỷ VU HANG



QUESTIONNAIRE FOR ONE APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

A.- BASIC IDENTIFICATION DATA

Lý lịch căn bản

- 1- Name
Họ tên : **NGÔ - TÔN - KÍNH**
- 2- Other name
Họ tên khác : **Không**
- 3- Date/Place of birth
Ngày/ nơi sinh : **02-02-1934 Núi-xá, Ứng-hoa, Hà đông**
- 4- Resident address
Địa chỉ thường trú : **14 Nguyễn-chí-Thành, Khối 2, Phường Tứ-An, Thị xã Bàu-mê-thuot**
- 5- Mailing address
Địa chỉ thư từ : **1/0 Phú-Binh, Fao đưng Lạc-long-quân, Quận 11, Thành Phố Hồ-chí-Minh cho Bt Nguyễn-thi-Chi**
- 6- Current occupation
Nghề nghiệp : **Chưa có vi-mới ra khỏi trại Cải-tạo**

B.- RELATIVES TO ACCOMPANY ME

Bà con cùng đi với tôi

(Note: Your spouse and unmarried children are only relatives eligible to accompany you.)

List marital status(MS) as follows married (M), Divorced

(D) Widowed(W) or single(S).

(Chú ý: Vợ chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi, kê khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình(M) đã ly dị (D), góa phu góa thê(W) hoặc độc thân(S)

NAME	DATE OF BIRTH	Place of birth	SEX	MS	Relation
Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Tình trạng gia đình	Liên hệ gia đình
1 Phạm-thi-Hào	1933	Hà đông	nữ	M	vợ
2 Ngô-tôn-Trọng	1954	Chợ lớn	nam	S	con trai
3 Ngô-tuân-Dũng	1959	Sài gòn	nam	S	con trai
4 Ngô-thi-Lòng-Phượng	1964	Phước Mỹ	nữ	S	con gái
5 Ngô-tôn-ni-nhuận-Huân	1966	Bàu-mê-thuot	nữ	S	con gái
6 Ngô-tôn-dũng-mạnh-Công	1970	" "	nam	S	con trai
7 Ngô-thi-minh-Chân	1972	" "	nữ	S	con gái
8 Ngô-tài-Thánh	1975	" "	nam	S	con trai

(NOTE : FOR THE persons listed above, we will need legible copies of birth certificate, marriage certificate(if married), divorce degree(if divorced) spouses death certificate(if widowed), identification card(if available), and photo(if any of accompanying relatives do not live with you. Please note their address in section 1 below)

(Chú ý: Cho mỗi người trên danh sách trên, chúng tôi cần 1 bản khai sanh, gia thu (nếu lập gia đình) giấy ly hôn (nếu ly dị), Giấy khai tử của vợ, chồng (nếu góa phu, góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình (nếu bà con cùng đi với bạn, không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của bạn trong phần 1)

C.- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

Họ hàng ở ngoại quốc

1- Closest relative in the U.S

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a- Name

Họ tên

: NGÔ - THỊ - BÍCH - THU

b- Relation ship

Liên hệ gia đình :

cháu

c- Address

Địa chỉ

:

2- Closest relatives in other foreign countries

Bà con thân t iện nhất ở nước khác

a- Name

Họ, tên

: NGÔ - DINH - GIANG.

b- Relation ship

liên hệ gia đình :

cháu

c- Address

Địa chỉ

: 1/12 Hampd TGAD 26 Highgate E Hiu Pascoe HIOI AUSTRALIA.

D.- COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD)

Danh sách toàn thể gia đình (sống/ chết)

	Name	Address	
1- Father	NGÔ - VĂN - ĐANG	Hà Đông	chết
cha			
2- Mother	NGUYỄN - THỊ - TỶ	Hà Đông	chết
Mẹ			
3- Spouses			
Vợ, chồng :	PHẠM - THỊ - HẢO (vợ)	Buôn-mê-thuôt	sống
4- Former spouse (if any)			
Vợ chồng trước (nếu có)	không		
5- Children			
Con cái :	1.- NGÔ - TÔN - THONG	Buôn-mê-thuôt	sống
	2.- NGÔ - THỊ - HOÀI - PHƯƠNG	Sài Gòn	sống
	3.- NGÔ - THỊ - DƯƠNG	Buôn-mê-thuôt	sống
	4.- NGÔ - THỊ - LONG - PHUONG	Buôn-mê-thuôt	sống
	5.- NGÔ - TÔN - NỮ - HỒNG - HOÀN	Buôn-mê-thuôt	sống
	6.- NGÔ - TÔN - DƯƠNG - MẠNH - CƯỜNG	Buôn-mê-thuôt	sống
	7.- NGÔ - THỊ - MẠI - CHÂU	Buôn-mê-thuôt	sống
	8.- NGÔ - THỊ - THÁNH	Buôn-mê-thuôt	sống
	9.-		
6- Siblings			
Anh, chị, em :			
	1.- NGÔ - VĂN - CHÂN (anh ruột)	Sài Gòn	sống
	2.- NGUYỄN - THỊ - CHI (chị ruột)		
	3.-		
	4.-		
	5.-		
	6.-		
	7.-		
	8.-		

E.- EMPLOYMENT BY U.S GOVERNMENT, AGENCIES OR OTHER ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSES

Bạn hoặc vợ/chồng có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

1.- Name of Person employed

Họ tên nhân viên :

Không có

2.- Date

Ngày, tháng

From

Từ

1.-

2.-

3.-

To

Đến

3.- Title of (last) position held

Chức vụ công việc

1.-

2.-

3.-

4.- Name of (last) supervisor

Tên, họ người giám thị

1.-

2.-

3.-

5.- Agency, company, office

Sở, hang, văn phòng

1.-

2.-

3.-

6- Reason of leaving

Lý do ra đi:

1.-

2.-

3.-

9.- Training for job in Vietnam

Nghề nghiệp huấn luyện tại Việt nam

F.- SERVICES WITH GVN OR ARVN BY YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ/ chồng bạn đã công vụ với chính phủ Việt nam.

1- Name of person serving

Họ tên người tham gia : NGÔ - TÔN - KÍNH

2- Date:

Ngày, tháng, năm

From :

Từ 14-5-1952

To:

Đến 30-4-1975

3- Last rank

Cấp bậc cuối cùng : THIẾU - TÁ / ĐPQ.

4- Ministry, Office, Military Unit

Bộ, Sở, Đơn vị, Binh chủng : Bộ Tổng P Tiêu - Khu Quảng - Đức

5- Name of supervisor C.O.

Họ tên người giám thị Sĩ quan: Đại Tá Phạm - văn - Nghiệm Tiêu - Khu Quảng

6- Reason of leaving

Lý do ra đi

Đến 30-4-1975

7- Name of American advisor

Tên họ cố vấn Mỹ

Không nhớ

8- U.S. training course in Vietnam

Chương trình huấn luyện tại Việt nam 1952 Khóa H Hạng quan Bảo chính đoàn Bắc - Việt

9- U.S. awards or Certificate

Giấy ban khen hoặc chứng thư có lý cấp

1966 Khóa 9 Tiểu đoàn trưởng Nha - Trang
1961 Khóa 9 Tiểu đoàn trưởng Nha - Trang
1961 Khóa 9 Tiểu đoàn trưởng Nha - Trang
1961 Khóa 9 Tiểu đoàn trưởng Nha - Trang
1961 Khóa 9 Tiểu đoàn trưởng Nha - Trang
1961 Khóa 9 Tiểu đoàn trưởng Nha - Trang
1961 Khóa 9 Tiểu đoàn trưởng Nha - Trang
1961 Khóa 9 Tiểu đoàn trưởng Nha - Trang
1961 Khóa 9 Tiểu đoàn trưởng Nha - Trang
1961 Khóa 9 Tiểu đoàn trưởng Nha - Trang

...../.....

(NOTE: Please attach any copy of diploma rewards, or certificate (if available)

Available?

Yes

No

(Chú ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng thư (nếu có)
Bạn có không? 0 Không

G.- TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ/chồng bạn huấn luyện ở ngoài quốc

1.- Name of student/trains

Tên người sinh viên/ người được huấn luyện: NGUYỄN-TÔN-KÍNH

2.- School and School address

Trường và địa chỉ nhà trường: KROH MA-LAI

3.- Date:

From:

To:

ngày, tháng, năm

Từ

02-1962

đến

04-1962

4.- Description of course

Mô tả ngành học

Tác chiến rừng rậm

5.- Who paid of training

ai đài thọ chương trình huấn luyện: chính phủ MA-LAI

(Note: Please attach copies of diploma or order (if available) YES NO

(Chú ý: Xin bạn kèm theo văn bằng hoặc chỉ thị (nếu có) Bạn có không? Có Không

H.- RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1.- Name of person in reeducation

Họ tên người học tập cải tạo

NGUYỄN-TÔN-KÍNH

2.- Total time in reeducation

Years

Months

Days

Tổng cộng thời gian học tập cải tạo

09

Năm

04

tháng

11

ngày

3.- Still in reeducation

Vẫn còn học tập cải tạo

Yes

No

Không

+ if released, we must have a copy of your released certificate

+ Nếu được thả chúng tôi cần 1 bản sao giấy ra trại: đính kèm

I.- ANY ADDITIONAL REMARKS:

Ước chu phụ thuộc:

01 bản giấy ra trại

Mới được ra khỏi trại Cải tạo nên gặp
rất nhiều khó khăn vì mọi mặt, xin được
xuất ngoại càng sớm càng tốt /-

SIGNATURES

Ký tên

DATES

Ngày 19-11-1984

J.- Please list here all document attached to this questionnaire

Xin kèm theo tất cả giấy tờ với câu hỏi này

151 MOI TIEN SIANG
BATHORN TAI ROAD
BASOKOR 10120 THAILAND

THU - HIEU - PAC - VIET

Chieu
Chieu
Chieu Nghi Dinh so 36/A-PH/ND ngày 18.09.52 thăng cấp Ha-Si chánh
và Ha-Si, kể từ ngày 01.09.52 các thí sinh trúng tuyển kỳ thi văn khoa lớp
Huan Lanen Ha-Si Quan PAC CHINH DOAN PAC VIET (Khoa IV)
Chieu

AK/ QHI - DINH

DIEM I. - Các chức viên có tên dưới đây đã trúng cách kỳ thi văn khoa
lớp Ha-Si-Quan (Khoa IV) và hết thời kỳ tập sự được thăng TRUNG SI kể từ
ngày 01 tháng 10 năm 1952,

CÁC HÀ SI CHANH :

NGO TON KINH	so	16001	DO HUU VI	so	12660
NGUYEN TRUNG HUAN	-	15972	TRAN ANANG TIEP	-	15981
LUU QUANG PHUC	-	15990			

DIEM 2. - Các ông đồng lý văn phòng, Đồng lý sự vụ, Giám đốc nhà Tai
Chinh và Thủ Lãnh Pao Chinh Doan Pac Viet, các y lý phen chieu Nghi Dinh
thủ hành ./-

Kiểm nhận của Nhà Tai chinh:
so 3390-P ngày 17.12.52
GIAM ĐỐC NHÀ TÀI CHINH
Ký tên: TRINH DINH TRU

HANOI, ngày 20 tháng 12 năm 1952
Ký tên: NGUYEN HUU TRI

SAO Y CHINH BAN
Chu Sĩ Phòng Công Văn
Ký tên: DAO DINH DINH

SAO Y CHINH BAN
HA-NOI ngày 6 tháng 1 năm 1953
THU LỆNH BAO CHINH DOAN PH.
Ký tên: PHAM VAN CANH

TRU CH THU CHINH BAN
Ninh Binh, ngày 24 tháng 12 năm 1952
Đại Ủy : V.-VIET-NAP
Gọi Huy Lĩnh Doan Ninh-Binh
(Ký tên và an lý)

AO K HAY SAO

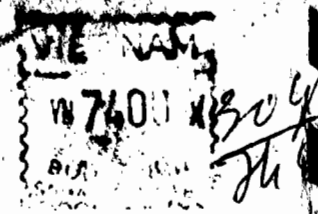


TRUNG TÁ NGUYỄN VĂN LÂN
TIỂU KHU TRƯỞNG TIỂU KHU BẮC

Trung tá Nguyễn Văn Lân
Tiểu khu trưởng Tiểu khu Bắc

TRUNG TÁ NGUYỄN VĂN LÂN
TIỂU KHU TRƯỞNG TIỂU KHU BẮC
TRUNG TÁ NGUYỄN VĂN LÂN

From: Nguyễn Thị Phi
1/0 Khu Bình Định Quân 14. TP# 01
trung tâm long quân.



KHU 55 232656C1 01/26/85

KHUC
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

TO: Mrs Khuân Thị Mỹ
5555 Columbia Pike
Applcation V.A. 22204
USA.



VIA AIR MAIL PAR AVION